

Số: /BC-CĐCB

Cao Bằng, ngày tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
NĂM 2025**

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

*** Quá trình hình thành và phát triển của Trường Cao đẳng Cao Bằng**

Trường Cao đẳng Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng trên cơ sở tổ chức lại Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và Trường Trung cấp Nghề Cao Bằng.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghị quyết số 06-NQ/BCSD ngày 02/12/2022 của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 3593/KH-BCĐ ngày 24/12/2022 của Ban Chỉ đạo tỉnh về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đối với các cơ quan hành chính Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và Trường Trung cấp nghề Cao Bằng được tổ chức lại nhằm làm tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước; chuyển đổi mục tiêu đào tạo từ giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục nghề nghiệp (GDNN); đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực vừa có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp; đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, nhu cầu của thị trường lao động.

Việc tổ chức lại trường là sự kế thừa và phát huy truyền thống đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của hai cơ sở giáo dục tiền thân có bề dày lịch sử hình thành và phát triển.

*** Quá trình hình thành và phát triển của Trường CĐSP Cao Bằng**

Năm 1948 lớp sư phạm đầu tiên của tỉnh Cao Bằng được thành lập tại Thôn Rệp, Thụy Hùng, Hà Quảng.

Từ năm 1959 - 1973 lãnh đạo tỉnh ra quyết định thành lập khu học xá Cao Bằng gồm 4 phân hiệu, trong đó có phân hiệu đào tạo giáo viên cấp I và cấp II.

Năm 1960 - 1965 Bộ Giáo dục ra quyết định thành lập trường Sư phạm cấp II Cao Bằng. Việc tuyển sinh được duy trì ngành đào tạo giáo viên cấp II, giáo viên cấp I, giáo viên Mẫu giáo và giáo viên dạy chữ Mông.

Từ năm 1967 - 1972 Tỉnh ra quyết định mở trường Sư phạm cấp I gồm các lớp: 4+3; 7+1; 7+3; 10+1; mở thêm các ban Văn - Sử; Toán - Lí; Hóa - Sinh; Sinh - Địa (đối với Sư phạm cấp II)

Năm 1974 - 1975 thành lập trường Sư phạm 7+2, đến năm 1978 - 1979 thay đổi tên trường Sư phạm 7+2 thành trường Sư phạm 10+2.

Năm 1978, Bộ Giáo dục và Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ra quyết định mở trường Sư phạm 10+3 Cao Bằng vào ngày 20/11/1978.

Năm 1984, trường Sư phạm mẫu giáo được sáp nhập lại với trường nuôi dạy trẻ thành trường Mẫu giáo nhà trẻ.

Năm 1990, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 334/UBND-TC ngày 20 tháng 9 năm 1990 sáp nhập cả 3 trường Sư phạm 12+2, 12+3, Mẫu giáo nhà trẻ thành trường Trung học Sư phạm Cao Bằng.

Đến ngày 02 tháng 10 năm 2000, Trường THSP Cao Bằng đã được Bộ Giáo dục Đào tạo ký Quyết định số 4018/2000/QĐ-BGD&ĐT- TCCB nâng cấp trường THSP Cao Bằng thành trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng.

*** Quá trình hình thành và phát triển của Trường Trung cấp nghề Cao Bằng**

Trường Trung cấp nghề Cao Bằng (tiền thân là trường Dạy nghề tỉnh Cao Bằng) là cơ sở GDNN công lập trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng được thành lập từ năm 2002 (QĐ số 1426/QĐ-TC-UB ngày 22/8/2002 của UBND tỉnh Cao Bằng).

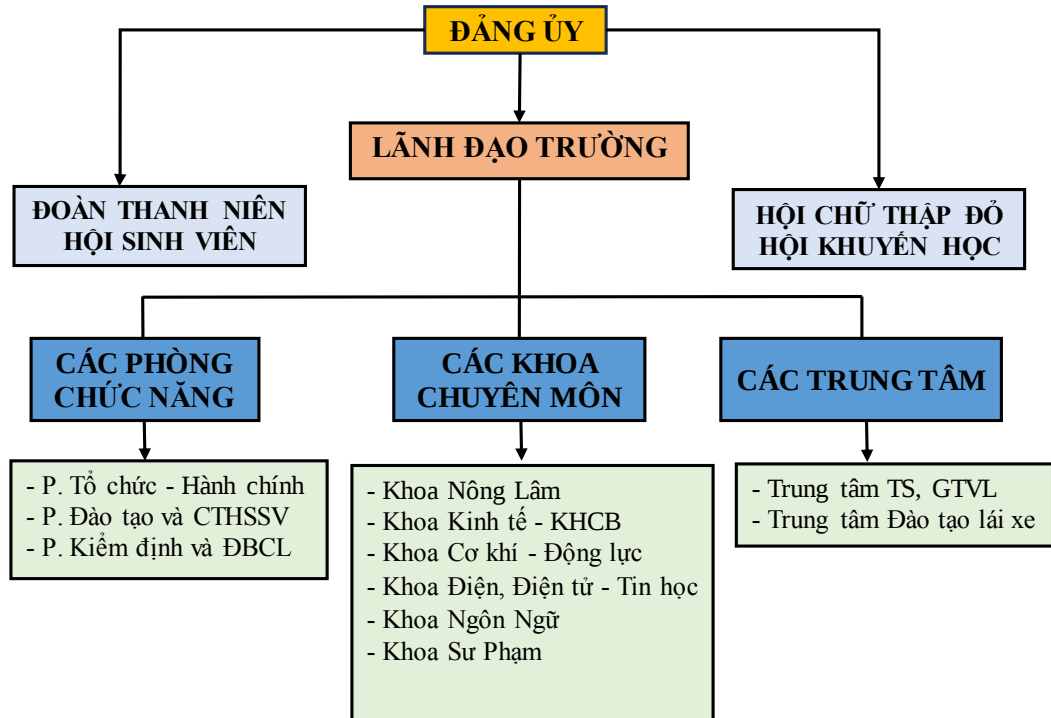
Năm 2008, Trường đổi tên thành trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng.

Năm 2019, Trường sáp nhập với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật theo Quyết định số 1999/QĐ - UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, lấy tên là Trường Trung cấp nghề Cao Bằng trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng. Trường có chức năng đào tạo nghề bậc Trung cấp, Sơ cấp, Liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo hình thức vừa học, vừa làm.

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1.1. Cơ cấu tổ chức

TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG



1.1.2. Nhân sự chủ chốt của nhà trường

Các Bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Lãnh đạo trường	Đinh Ngọc Lượng	1970	Ths	Hiệu trưởng
	Ngọc Hoàng Anh	1975	Ths	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Thị Vân Chi	1980	Ths	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Hội Sinh viên				
Đảng ủy bộ phận	Đinh Ngọc Lượng	1970	Ths	Bí thư
	Nguyễn Thị Vân Chi	1980	Ths	Phó Bí thư
	Ngọc Hoàng Anh	1975	Ths	Ủy viên BCH
	Hoàng Văn Tôn	1971	Ths	Ủy viên BCH
	Đỗ Thị Diễm	1973	Ths	Ủy viên BCH
	Nông Thị Mai Sơn	1974	Ths	Ủy viên BCH
	Nông Đức Hưng	1978	CN	Ủy viên BCH
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Thị Luyến	1991	Ths	Bí thư
	Lý Thị Liễu	1993	CN	Phó Bí thư
	Hoàng Nông Chiến	1992	KS	Phó Bí thư
Hội Sinh viên	Nguyễn Thị Luyến	1991	Ths	Chủ tịch
Hội Chữ thập đỏ; Hội Khuyến học	Nguyễn Thị Huyền	1972	Ths	Chủ tịch

3. Trưởng/Phó các phòng chức năng				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Hoàng Văn Tôn	1971	Ths	Trưởng phòng
	Lâm Anh Bình	1981	Ths	Phó Trưởng phòng
	Nông Thị Thu Hà	1986	Ths	Phó Trưởng phòng
Phòng Đào tạo và Công tác HSSV	Trần Thị Liễu	1979	Ths	Trưởng phòng
	Dương Huyền Nhung	1984	Ths	Phó Trưởng phòng
	Nguyễn Thị Minh Chi	1975	Ths	Phó Trưởng phòng
Phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng	Đỗ Thị Diễm	1973	Ths	Trưởng phòng
4. Trưởng/Phó các Khoa				
Khoa Ngôn ngữ	Nông Thị Mai Sơn	1974	Ths	Trưởng Khoa
	Bế Thị Hạnh	1979	Ths	Phó Trưởng Khoa
Khoa Sư phạm	Bế Thị Hoài	1977	Ths	Trưởng Khoa
	Phàn A Vàng	1964	Ths	Phó Trưởng Khoa
Khoa Điện, Điện tử - Tin học	Nông Kiều Anh	1982	Ths	Phó Trưởng Khoa Phụ trách
Khoa Cơ khí - Động lực	Nông Đức Hưng	1978	CN	Phó Trưởng Khoa Phụ trách
	Nông Quốc Đoan	1975	CN	Phó Trưởng Khoa
Khoa Nông Lâm	Hoàng Thị Hương	1985	Ths	Trưởng Khoa
	Trần Thu Hằng	1984	Ths	Phó Trưởng Khoa
Khoa Kinh tế - Khoa học cơ bản	Nguyễn Thanh Hoa	1981	Ths	Trưởng Khoa
	Tạ Văn Mát	1978	CN	Phó Trưởng Khoa
5. Giám đốc/Phó Giám đốc các Trung tâm				
Trung tâm tuyển sinh, GTVL	Bế Thị Phụng	1980	CN	Giám đốc
Trung tâm đào tạo lái xe	Nguyễn Thị Ngân	1983	CN	Phó Giám đốc Phụ trách
	Hoàng Anh Dũng	1983	CN	Phó Giám đốc

1.1.3. Tổng số cán bộ, giáo viên, giảng viên của trường

Tổng số viên chức, giảng viên, giáo viên và người lao động: 117

- Lãnh đạo trường: 03
- Giảng viên, giáo viên: 94
- Nhân viên: 20 (Trong đó, hợp đồng 111 là 10 người)

1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Chỉ tiêu tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Công nghệ thông tin		500	
1	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	5480202		Trung cấp
II	Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ ô tô	5510216		Trung cấp
III	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Hàn	5520123		Trung cấp
2	Vận hành máy thi công nền	5520183		Trung cấp
IV	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	5520205		Trung cấp
2	Điện dân dụng	5520226		Trung cấp
3	Điện công nghiệp	5520227		Trung cấp
4	Tự động hóa công nghiệp	5520264		Trung cấp
V	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da			
1	May thời trang	5540205		Trung cấp
VI	Nông nghiệp			
1	Trồng trọt	5620110		Trung cấp
2	Chăn nuôi - Thú y	5620120		Trung cấp
3	Khuyến nông lâm	5620122		Trung cấp
4	Lâm sinh	5620202		Trung cấp
VII	Du lịch			
1	Hướng dẫn du lịch	5810103		Trung cấp
2	Quản trị khách sạn	5810201		Trung cấp
VIII	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài			
1	Tiếng Trung Quốc	6220209	100	Cao đẳng
IX	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			
1	Giáo dục Mầm non	51140201	20	Cao đẳng

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

- Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng: Phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng

- Email: kiemdinhvadbcl.cdcb@gmail.com

- Tổng số cán bộ: 06

- Chức năng: Phòng KĐ&ĐBCL có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong tổ chức các hoạt động kiểm định và ĐBCL như: Soạn thảo các văn bản, quy định, xây dựng kế hoạch ĐBCL, tổ chức triển khai các hoạt động kiểm định và ĐBCL, hình thành hệ thống tài liệu, hệ thống thông tin ĐBCL.

- Nhiệm vụ:

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong trường lập kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống ĐBCL và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống ĐBCL theo kế hoạch đã phê duyệt.

+ Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đề xuất các biện pháp thực hiện xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống ĐBCL đúng tiến độ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng.

+ Báo cáo kết quả xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.

- Phụ trách công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng: Bà Đỗ Thị Diễm, Trưởng phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng, Số điện thoại: 0915.424.398

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Hệ thống bảo đảm chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp là hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả các lĩnh vực, nội dung quản lý của nhà trường, hệ thống thông tin nội bộ, nhân sự, cơ chế, giám sát và đánh giá. Thông qua đó, trường duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Cùng với việc đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhà giáo, nhà trường còn ưu tiên xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng đối với các hoạt động trong nhà trường góp phần đổi mới công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường; coi trọng quản lý chất lượng đây cũng là một trong những giải pháp nhằm đổi mới giáo dục nghề nghiệp.

Sự cần thiết đảm bảo, nâng cao chất lượng đào tạo là khẳng định thương hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh của các trường trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, việc xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng là việc rất cần thiết để hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình công cụ quản lý nhằm đổi mới quản trị nhà trường theo hướng công khai, minh bạch và hiệu quả, xây dựng văn hóa chất lượng cũng như phát huy tinh thần trách nhiệm của mọi thành viên trong nhà trường tham gia quản lý chất lượng, góp phần bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Trường Trung cấp nghề Cao Bằng lập Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thực hiện quy định về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.
- Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng đảm bảo phù hợp mục tiêu đào tạo, thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của nhà trường.
- Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.
- Tổ chức xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng tại trường, đảm bảo hệ thống được xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến theo đúng với quy định của cấp trên và thực tiễn của nhà trường.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Nguyên tắc, yêu cầu hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Điều 2, Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, theo đó:

- Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn.
- Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và lấy người học làm trung tâm.
- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.
- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.
- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Thực hiện công tác chuẩn bị xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng gồm:

- Hoàn thiện tổ chức, nhân sự đảm bảo chất lượng và các điều kiện có liên quan khác;

- Xây dựng và kiểm soát hệ thống tài liệu: Chính sách chất lượng; mục tiêu chất lượng; sổ tay chất lượng; quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng đối với từng nội dung trong các lĩnh vực quản lý chất lượng;

- Thiết lập hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng;

- Ban hành và áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng trong trường.

c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Trường Cao đẳng Cao Bằng phấn đấu từng bước nâng cao vị thế và uy tín của nhà trường trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp trên toàn quốc, việc bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm cao nhất mà toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động phải thực hiện.

Để đạt được yêu cầu chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Hiệu trưởng và toàn bộ viên chức và người lao động cam kết xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với những nội dung như sau:

1. Phát triển đội ngũ viên chức, người lao động có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao, chuyên nghiệp và trách nhiệm.

2. Người học được học tập và rèn luyện trong môi trường sư phạm tích cực, có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, tạo môi trường thuận lợi cho người học có động lực nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp.

3. Thường xuyên đánh giá và đổi mới chương trình đào tạo, các ngành nghề, tài liệu, giáo trình và phương pháp giảng dạy để phát triển toàn diện kiến thức, kỹ năng, năng lực và phẩm chất của người học.

4. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu theo quy định, tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo tiên tiến đủ về số lượng và chất lượng.

5. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý và đào tạo; sử dụng hiệu quả những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

6. Tăng cường sự gắn kết chặt chẽ với các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo và giải quyết việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

7. Xây dựng cơ chế khuyến khích viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ vào hoạt động chuyên môn.

8. Tăng cường công tác truyền thông, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, quảng bá về nhà trường.

9. Cải tiến liên tục để cung cấp dịch vụ đào tạo ngày càng tốt hơn, đáp ứng sự mong đợi của xã hội và các bên liên quan.

d) Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Năm học 2025 - 2026 toàn thể viên chức quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động phát huy tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu chất lượng như sau:

1. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp, đảm bảo chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận năng lực, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động của địa phương, trong nước và khu vực.

2. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ được giao. Đẩy mạnh chuyển đổi số, triển khai ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo, đảm bảo các thông tin minh bạch, kịp thời, khoa học.

3. Hoàn thiện việc xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.

4. Xây dựng hồ sơ 03 mã nghề đào tạo trình độ cao đẳng, gồm: Tự động hóa, Điện công nghiệp, Kỹ thuật Nông - Lâm.

5. Tăng cường công tác kiểm định, bảo đảm chất lượng giáo dục trong nhà trường; thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo kế hoạch năm học.

6. Tăng cường và mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu tuyển dụng; liên kết đặt hàng đào tạo với doanh nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa trong đào tạo nghề.

7. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm; tăng cường viết bài đăng tạp chí chuyên ngành; tự học, nâng cao năng lực đội ngũ.

8. Đối với tập thể nhà trường: Phần đầu được đánh giá xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

9. Đối với viên chức, người lao động

- 100 % VC, NLĐ chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định về đạo đức nhà giáo, quy định về thực hiện văn hóa công sở, các quy định về chuyên môn.

- 100% VC, NLĐ được đánh giá viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- 100% đề tài NCKH, SKKN được đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên.

- 100% giáo viên, giảng viên tham gia lớp tập huấn về ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy và công việc với chương trình chuyên sâu mang tên “Bình dân học vụ số”.

10. Đối với học sinh, sinh viên

- 100% HSSV thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Kết quả học tập: 100% đạt Trung bình trở lên, trong đó khá, giỏi đạt 60% trở lên.

- Đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp: 100%; Tỷ lệ SV tốt nghiệp đạt 100%.

- Kết quả rèn luyện: 100% đạt yêu cầu trở lên, trong đó 80% trở lên xếp loại tốt và xuất sắc.

đ) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

- Các quy trình đã được vận hành: Gồm 58 quy trình

STT	Tên quy trình	Mã hóa
1.	Quy trình biên soạn, bổ sung, điều chỉnh ngân hàng câu hỏi thi, ngân hàng đề thi	QT.01/P.ĐT&CTHSSV01
2.	Quy trình thi kết thúc học phần/Môn học/Mô đun	QT.02/P.ĐT&CTHSSV02
3.	Quy trình tổ chức học lại, thi lại	QT.03/P.ĐT&CTHSSV03
4.	Quy trình Thực hành, thực tập cho HS,SV	QT.04/P.ĐT&CTHSSV04
5.	Quy trình xét điều kiện học tiếp	QT.05/P.ĐT&CTHSSV05
6.	Quy trình xét, công nhận tốt nghiệp	QT.06/P.ĐT&CTHSSV06
7.	Quy trình thi tốt nghiệp	QT.07/P.ĐT&CTHSSV07
8.	Quy trình giải quyết khiếu nại kết quả học tập	QT.08/P.ĐT&CTHSSV08
9.	Quy trình xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo	QT.09/P.ĐT&CTHSSV09
10.	Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo	QT.10/P.ĐT&CTHSSV10
11.	Quy trình dự giờ	QT.11/P.ĐT&CTHSSV11
12.	Quy trình quản lý, cấp phát và lưu trữ văn bằng, chứng chỉ	QT.12/P.ĐT&CTHSSV12
13.	Quy trình thực hiện nhiệm vụ NCKH	QT.13/P.ĐT&CTHSSV13
14.	Quy trình kiểm tra hồ sơ chuyên môn	QT.14/P.ĐT&CTHSSV14
15.	Quy trình quản lý hồ sơ HS,SV	QT.15/P.ĐT&CTHSSV15
16.	Quy trình quản lý thư viện	QT.16/P.ĐT&CTHSSV16
17.	Quy trình mượn trả tài liệu thư viện	QT.17/P.ĐT&CTHSSV17
18.	Quy trình tư vấn học tập cho HS,SV	QT.18/P.ĐT&CTHSSV18
19.	Quy trình giải quyết chế độ, chính sách cho HS,SV	QT.19/P.ĐT&CTHSSV19
20.	Quy trình xét khen thưởng, học bổng khuyến khích cho HS,SV	QT.20/P.ĐT&CTHSSV20
21.	Quy trình nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập của HS,SV	QT.21/P.ĐT&CTHSSV21
22.	Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng viên chức, cán bộ quản lý	QT.22/P.TCHC01
23.	Quy trình Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý	QT.23/P.TCHC02
24.	Quy trình Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức	QT.24/P.TCHC03

25.	Quy trình xét thi đua, khen thưởng viên chức, người lao động	QT.25/P.TCHC04
26.	Quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý	QT.26/P.TCHC05
27.	Quy trình thanh toán	QT.27/P.TCHC06
28.	Quy trình quản lý phòng học, xưởng thực hành	QT.28/P.TCHC07
29.	Quy trình mua sắm vật tư, thiết bị, bảo dưỡng, thay mới thiết bị	QT.29/P.TCHC08
30.	Quy trình thẩm định mua sắm vật tư, thiết bị, bảo dưỡng, thay mới thiết bị	QT.30/P.TCHC09
31.	Quy trình sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị	QT.31/P.TCHC10
32.	Quy trình cấp phát vật tư, nguyên – nhiên vật liệu	QT.32/P.TCHC11
33.	Quy trình kiểm kê tài sản	QT.33/P.TCHC12
34.	Quy trình thanh lý tài sản, thiết bị	QT.34/P.TCHC13
35.	Quy trình quản lý văn bản đến - văn bản đi	QT.35/P.TCHC14
36.	Quy trình quản lý tài liệu lưu trữ nhà trường	QT.36/P.TCHC15
37.	Quy trình tạm ứng, thanh toán tạm ứng	QT.37/P.TCHC16
38.	Quy trình thu học phí và quản lý học phí	QT.38/P.TCHC17
39.	Quy trình khảo sát mức độ hài lòng của nhà giáo, viên chức và người lao động về các hoạt động đào tạo, phục vụ đào tạo và môi trường làm việc	QT.39/P.TCHC18
40.	Quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống Bảo đảm chất lượng	QT.40/P.KĐ&ĐBCL01
41.	Quy trình tự đánh giá chất lượng CSGDNN	QT.41/P.KĐ&ĐBCL02
42.	Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT	QT.42/P.KĐ&ĐBCL03
43.	Quy trình thanh tra/ kiểm tra hoạt động đào tạo	QT.43/P.KĐ&ĐBCL04
44.	Quy trình kiểm tra nội bộ	QT.44/P.KĐ&ĐBCL05
45.	Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của nhà giáo	QT.45/P.KĐ&ĐBCL06
46.	Quy trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng đào tạo khóa học	QT.46/P.KĐ&ĐBCL07
47.	Quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra nghề đào tạo	QT.47/K.CK-ĐL01 QT.47/K.Đ,ĐT-TH01 QT.47/K.NL01 QT.47/K.NN01 QT.47/K.KTKHCB01 QT.47/K.SP01

48.	Quy trình khảo sát các bên liên quan về chuẩn đầu ra, chất lượng chương trình đào tạo, chương trình dạy học	QT.48/K.CK-ĐL01 QT.48/K.Đ,ĐT-TH01 QT.48/K.NL01 QT.48/K.KTKHCB01 QT.48/K.SP
49.	Quy trình tổ chức tuyển sinh	QT.49/TTTVTS>VL01
50.	Quy trình tổ chức tư vấn và giới thiệu việc làm	QT.50/TTTVTS>VL02
51.	Quy trình liên kết, hợp tác với đơn vị, doanh nghiệp	QT.51/TTTVTS>VL03
52.	Quy trình khảo sát tình hình việc làm của HS,SV sau khi tốt nghiệp	QT.52/TTTVTS>VL04
53.	Quy trình khảo sát đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo và chất lượng của sinh viên đã tốt nghiệp	QT.53/TTTVTS>VL05
54.	Quy trình thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học, nhà giáo và nhân viên tham gia công tác tuyển sinh	QT.54/TTTVTS>VL06
55.	Quy trình đào tạo lái xe mô tô hạng A1	QT.55/TTĐTLX01
56.	Quy trình tổ chức các hoạt động phong trào cho học sinh, sinh viên	QT.56/ĐTN-HSV01
57.	Quy trình thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động phục vụ hỗ trợ cộng đồng.	QT.57/ĐTN-HSV02
58.	Quy trình khảo sát mức độ hài lòng của người học về các hoạt động phục vụ đào tạo và môi trường làm việc	QT.58/P.TCHC19

- Các quy trình được cải tiến, chỉnh sửa: Không có

- Các quy trình mới được bổ sung: Không có

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

Trường Cao đẳng Cao Bằng luôn xác định để đạt được yêu cầu chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xác định tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã giao Phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng tham mưu xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong.

Trường đã xây dựng và ban hành quy định quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng. Lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị và các tổ chức đoàn thể thực hiện nghiêm túc việc thu thập, xử lý, lưu trữ, quản lý và sẵn sàng xuất, cung cấp thông tin, dữ liệu BDCLGD bên trong.

Các đơn vị chịu trách nhiệm quản lý thông tin BĐCLGD bên trong theo chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thu thập (xác định cách thức thu thập, phân loại thông tin) xử lý, lưu trữ, quản lý và sẵn sàng xuất, cung cấp thông tin, dữ liệu BĐCLGD bên trong khi có chỉ đạo của lãnh đạo Nhà trường và đề nghị từ các đơn vị có liên quan; phối hợp với các đơn vị khác có đề xuất để xây dựng thông tin, dữ liệu chung có liên quan để phục vụ kiểm định và BĐCLGD của Nhà trường.

Phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng theo dõi triển khai quản lý hệ thống thông tin BĐCLGD.

Phòng Tổ chức - Hành chính bảo đảm an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin BĐCLGD bên trong đối với các dữ liệu được lưu trữ trên mạng máy tính nội bộ của Nhà trường, đầu mối trong triển khai nhiệm vụ quản lý và nâng cấp hạ tầng công nghệ để hỗ trợ các đơn vị xây dựng và quản lý hệ thống thông tin BĐCLGD bên trong.

2.2. Đánh giá, cải tiến

a) Đánh giá

- Tổng số đợt đánh giá: 01 đợt
- Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 11 đơn vị

b) Cải tiến: Không có

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm

- Thực hiện đúng theo Thông tư quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.
- Được sự quan tâm chỉ đạo, đôn đốc của Lãnh đạo trường về thực hiện xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

3.2. Tồn tại, hạn chế

Các kênh thông tin của nhà trường đã được công bố, cập nhật thông qua Website nhưng do chưa có phần mềm quản lý chuyên biệt nên hiệu quả đạt được còn hạn chế.

3.3. Nguyên nhân

Trường mới được tổ chức lại nên còn gặp nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng thông tin chưa được nâng cấp, nguồn kinh phí hoạt động hạn hẹp.

3.4. Đề xuất

Kiến nghị Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về việc xây dựng, vận hành, đánh giá cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Cần có phần mềm dùng chung cho các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, thiết lập hệ thống thông tin từ các cơ quan quản lý GDNN

đến các trường nhằm thông suốt và thống nhất trong các hoạt động quản lý, chuẩn hóa toàn bộ sơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng để khai thác dùng chung giữa các cơ sở GDNN.

Các cơ quan quản lý Nhà nước quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất cho nhà trường chủ động triển khai nhiệm vụ bảo đảm chất lượng.

Trên đây là Báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2025 của Trường Cao đẳng Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Cục GDNN&GDTX;
- Phòng GDNNGD TX Sở GD&ĐT;
- Các đơn vị thuộc trường;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, KĐ&ĐBCL.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Vân Chi